

PHÒNG GD&ĐT TX. BẾN CÁT

TRƯỜNG THCS BÌNH PHÚ

Tính đến ngày 25/8/2021

DANH SÁCH HỌC SINH 7A1

NĂM HỌC: 2021 - 2022

GVCN:

Lê Thị Thu Uyên

0334789038

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp cũ	Lớp mới	Điểm TK	Ghi chú
1	Nguyễn Lê Phương	An	26/09/2009	6A1	7A1	7.1	
2	Trương Quốc	Anh	09/08/2009	6A4	7A1	8.1	
3	Nguyễn Văn Quốc	Anh	11/05/2009	6A1	7A1	8.6	
4	Nguyễn Gia	Bảo	30/09/2009	6A2	7A1	6.1	Chuyển đi
5	Nguyễn Võ Gia	Bảo	19/05/2009	6A4	7A1	9.2	
6	Nguyễn Hồng Kim	Chi	15/05/2009	6A1	7A1	8.4	
7	Bùi Nguyễn Hải	Duy	16/04/2009	6A1	7A1	6.6	
8	Bùi Đình	Đại	10/11/2009	6A2	7A1	9.1	
9	Hoàng Quốc	Đạt	06/01/2009	6A11	7A1	8.0	
10	Võ Thành	Đông	01/05/2009	6A2	7A1	7.1	
11	Trần Thị	Hà	29/09/2008	6A1	7A1	5.7	
12	Phạm Thị Hồng	Hạnh	06/02/2009	6A2	7A1	6.4	
13	Trần Công	Hậu	07/03/2009	6A2	7A1	5.9	
14	Hà Minh	Hoàng	20/10/2009	6A1	7A1	6.9	
15	Hà Minh	Huy	20/10/2009	6A1	7A1	7.1	
16	Nguyễn Thanh	Huyền	01/02/2009	6A2	7A1	7.2	
17	Đặng Anh	Khôi	05/01/2008	6A1	7A1	5.6	
18	Cao Tiến	Lâm	15/11/2009	6A5	7A1	8.3	Chuyển đi
19	Dương Thùy	Lâm	07/12/2009	6A7	7A1	8.3	
20	Nguyễn Thị Trúc	Linh	31/10/2009	6A1	7A1	7.2	
21	Nguyễn Thị Yến	Linh	28/05/2009	6A2	7A1	7.4	
22	Nguyễn Khải	Linh	25/03/2009	6A13	7A1	8.8	
23	Phạm Ngọc Yến	My	06/02/2009	6A2	7A1	6.8	
24	Đoàn Thanh	Ngân	01/11/2008	6A1	7A1	6.9	
25	Nguyễn Thành	Nhân	07/08/2009	6A1	7A1	7.8	
26	Trịnh Duy	Nhật	20/11/2009	6A6	7A1	8.1	
27	Võ Tấn	Phát	24/12/2009	6A1	7A1	6.3	
28	Nguyễn Hoàng	Phúc	13/08/2009	6A2	7A1	5.5	
29	Võ Thiên	Phước	21/08/2009	6A9	7A1	8.2	
30	Nguyễn Phước	Quang	15/11/2009	6A4	7A1	8.9	
31	Nguyễn Hoàng	Quân	29/10/2009	6A8	7A1	8.3	
32	Nguyễn Hoài	Quốc	19/09/2009	6A12	7A1	8.5	
33	Nguyễn Hoàng	Quý	13/07/2009	6A1	7A1	6.8	
34	Đặng Thị Hồng	Quyên	03/10/2009	6A2	7A1	6.9	
35	Nguyễn Thị Cát	Tiên	11/01/2009	6A1	7A1	6.5	
36	Nguyễn Hoàng	Tuấn	13/07/2008	6A1	7A1	6.3	
37	Nông Thanh	Thắng	05/07/2009	6A1	7A1	6.3	
38	Trần Thị	Trang	19/10/2009	6A1	7A1	6.4	
39	Võ Lương Thùy	Trang	21/07/2009	6A2	7A1	8.0	
40	Nguyễn Hoàng	Trọng	17/09/2008	6A1	7A1	5.7	
41	Phạm Như Lan	Vy	28/08/2009	6A9	7A1	9.5	
42	Huỳnh Gia	Hào	09/12/2007	7A2	7A1	5.5	Lưu ban
43	Nguyễn Trọng	Nghĩa	25/10/2007	7A2	7A1	5.3	Lưu ban

PHÒNG GD&ĐT TX. BẾN CÁT

TRƯỜNG THCS BÌNH PHÚ

Tính đến ngày 25/8/2021

DANH SÁCH HỌC SINH 7A2

NĂM HỌC: 2021 - 2022

GVCN:

Phạm Tiến Tư

0906070750

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp cũ	Lớp mới	Điểm TK	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng	Bảo	09/10/2009	6A3	7A2	7.3	
2	Ngô Tấn	Cường	24/06/2009	6A4	7A2	7.4	
3	Nguyễn Đức Khánh	Duy	01/11/2008	6A3	7A2	7.4	
4	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	18/04/2009	6A11	7A2	8.8	
5	Phạm Hữu	Dương	12/09/2009	6A1	7A2	8.0	
6	Trần Thiên	Đức	03/04/2009	6A4	7A2	6.9	
7	Hồ Huỳnh	Đức	27/03/2009	6A3	7A2	5.4	
8	Võ Trung	Hậu	15/10/2009	6A3	7A2	6.6	
9	Nguyễn Hồng	Hoàng	30/04/2009	6A3	7A2	7.7	
10	Phan Quốc	Hùng	27/01/2009	6A11	7A2	7.4	
11	Nguyễn	Huy	01/09/2009	6A4	7A2	7.7	
12	Ngô Thanh	Huy	06/08/2009	6A3	7A2	5.9	
13	Nguyễn Thị Hữu	Huyền	24/04/2009	6A3	7A2	8.1	
14	Lục Thị Ngọc	Hương	01/12/2008	6A2	7A2	5.7	
15	Lê Đình	Kiệt	08/05/2009	6A3	7A2	7.0	
16	Dương Tấn	Khải	01/12/2009	6A2	7A2	5.9	
17	Mai Quốc	Khánh	18/10/2009	6A3	7A2	5.1	
18	Trần Gia	Lạc	28/05/2009	6A2	7A2	6.1	
19	Phạm Thị Tường	Lam	02/10/2009	6A4	7A2	7.2	
20	Nguyễn Yến	Linh	18/02/2009	6A4	7A2	8.0	
21	Trịnh Nguyễn Thùy	Linh	10/10/2009	6A7	7A2	8.5	
22	Lê Phan Phước	Lộc	24/01/2009	6A3	7A2	8.3	
23	Huỳnh Phú	Lợi	11/01/2007	6A5	7A2	8.2	
24	Lê Thị Bảo	Ngọc	23/02/2009	6A3	7A2	7.7	
25	Đặng Thị Hồng	Nhung	12/03/2009	6A1	7A2	7.5	
26	Lê Ngọc Bảo	Như	04/05/2009	6A6	7A2	7.6	
27	Vũ Việt	Phát	17/07/2009	6A3	7A2	7.2	
28	Trần Ngọc	Phúc	27/07/2009	6A13	7A2	8.1	
29	Lê Thị Diễm	Quỳnh	28/12/2009	6A8	7A2	6.7	
30	Nguyễn Phạm Thái	Son	17/11/2009	6A3	7A2	6.6	
31	Trương Công	Tấn	01/04/2009	6A12	7A2	7.7	
32	Trịnh Thị Cẩm	Tiên	13/05/2009	6A2	7A2	7.1	
33	Nguyễn Thanh	Tuấn	19/05/2009	6A2	7A2	8.3	
34	Phan Quốc	Thịnh	30/07/2009	6A9	7A2	8.4	
35	Nguyễn Bích	Thủy	22/03/2009	6A14	7A2	7.5	
36	Bùi Ngọc Anh	Thư	19/08/2009	6A2	7A2	6.3	
37	Cán Phạm Huyền	Trang	22/08/2009	6A11	7A2	9.1	
38	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	03/05/2009	6A5	7A2	8.8	
39	Hoàng Phi	Vũ	08/07/2008	6A2	7A2	5.7	
40	Nguyễn Xuân	Vy	20/07/2009	6A8	7A2	9.0	
41	Phan Hoàng	Phúc	31/05/2007	7A2	7A2	5.6	Lưu ban

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp cũ	Lớp mới	Điểm TK	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc	An	30/05/2009	6A5	7A3	6.9	
2	Nguyễn Đăng Quỳnh	Anh	08/04/2009	6A13	7A3	8.9	
3	Đào Lê Ngọc	Ánh	19/08/2009	6A5	7A3	7.2	
4	Ngô Lương Hiếu	Đông	27/12/2009	6A1	7A3	7.0	
5	Lâm Ngọc Thanh	Hiền	09/10/2009	6A4	7A3	8.8	
6	Nguyễn Đức	Huy	02/12/2008	6A5	7A3	6.7	
7	Trần Quốc	Hữu	01/10/2009	6A13	7A3	8.9	
8	Trần Thị Kim	Kiều	28/08/2009	6A11	7A3	7.7	
9	Nguyễn Hoàng	Khang	17/02/2009	6A5	7A3	7.2	
10	Nguyễn Phương	Khánh	14/07/2009	6A4	7A3	6.8	
11	Nguyễn Đăng	Khôi	13/06/2008	6A3	7A3	6.1	
12	Nguyễn Mai	Linh	12/11/2009	6A14	7A3	8.9	
13	Đỗ Thị Thảo	My	30/03/2009	6A7	7A3	8.4	
14	Lê Thị Hoàng	Ngân	08/07/2009	6A4	7A3	5.6	
15	Thân Thị Bảo	Ngọc	10/11/2009	6A5	7A3	7.9	
16	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	17/05/2009	6A4	7A3	5.9	
17	Trần Đặng Hoài	Nhân	25/07/2009	6A3	7A3	5.8	
18	Lê Hồng	Nhật	29/11/2009	6A4	7A3	7.3	Chuyển đi
19	Bùi Thị Huỳnh	Như	28/06/2009	6A4	7A3	5.2	
20	Nguyễn Tuấn	Phát	06/10/2009	6A1	7A3	8.3	
21	Trần Công	Phi	01/02/2009	6A5	7A3	7.4	
22	Dương Chấn	Phong	15/09/2009	6A6	7A3	8.7	
23	Phan Trọng	Phú	18/05/2009	6A12	7A3	8.1	
24	Nguyễn Lê Trọng	Phúc	08/11/2009	6A4	7A3	6.8	
25	Ngô Văn	Quang	11/02/2009	6A3	7A3	6.2	
26	Đặng Nguyễn Thành	Tài	27/05/2007	6A4	7A3	7.0	
27	Trương Nguyễn Như	Tâm	08/07/2009	6A8	7A3	8.5	
28	Trần Đình	Tiến	19/03/2009	6A4	7A3	6.7	
29	Lê Quốc	Thái	05/10/2009	6A13	7A3	7.9	
30	Nguyễn Trương Như	Thành	21/05/2009	6A4	7A3	5.9	
31	Nguyễn Bảo	Thiên	29/12/2009	6A4	7A3	7.2	
32	Nguyễn Hải	Thuận	22/07/2009	6A12	7A3	7.2	
33	Bùi Ngọc Anh	Thư	06/10/2009	6A4	7A3	7.2	
34	Hoàng Thị Kim	Thư	06/03/2009	6A3	7A3	6.4	
35	Đỗ Thị Huyền	Trang	07/10/2009	6A14	7A3	8.3	
36	Đào Thị Ngọc	Trâm	09/03/2009	6A3	7A3	6.9	
37	Lê Thị Bảo	Trân	19/08/2009	6A9	7A3	8.1	
38	Nguyễn Thị Thu	Trúc	13/10/2009	6A4	7A3	7.2	
39	Hà Phương	Uyên	10/10/2009	6A2	7A3	7.2	
40	Nguyễn Bùi	Nhật	01/09/2009	online	7A3		Chuyển đến
41	Dương Tuấn	Huy	05/05/2008	7A2	7A3	5.6	Lưu ban

PHÒNG GD&ĐT TX. BẾN CÁT

TRƯỜNG THCS BÌNH PHÚ

Tính đến ngày 25/8/2021

DANH SÁCH HỌC SINH 7A4

NĂM HỌC: 2021 - 2022

GVCN:

Phạm Thành Đạt

0866676167

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp cũ	Lớp mới	Điểm TK	Ghi chú
1	Nguyễn Quốc	An	31/01/2009	6A3	7A4	8.3	
2	Phạm Gia	Bảo	18/08/2009	6A6	7A4	7.2	
3	Phạm Đình Gia	Bảo	27/08/2009	6A5	7A4	6.6	
4	Nguyễn Chí	Bảo	30/12/2009	6A1	7A4	8.8	
5	Nguyễn Thành	Duy	11/09/2009	6A5	7A4	5.5	
6	Nguyễn Khánh	Duy	30/11/2008	6A4	7A4	9.1	Chuyển đi
7	Lê Thị Hồng	Gám	15/09/2009	6A6	7A4	6.4	
8	Nguyễn Phạm Hiếu	Hậu	23/07/2009	6A1	7A4	7.1	
9	Nguyễn Hữu Huy	Hoàng	09/02/2009	6A4	7A4	8.6	
10	Lê Nguyễn Quang	Huy	12/05/2009	6A15	7A4	8.7	
11	Mai Tuấn	Kiệt	21/10/2009	6A6	7A4	7.2	
12	Lữ Hoàng	Kiệt	19/09/2009	6A5	7A4	6.2	
13	Trần Đăng	Khoa	15/01/2009	6A12	7A4	5.3	
14	Phan Thị Thùy	Linh	06/02/2008	6A5	7A4	5.9	
15	Võ Văn	Minh	06/12/2008	6A5	7A4	6.4	
16	Trần Thị Trà	My	02/10/2009	6A5	7A4	6.1	
17	Nguyễn Minh	Nhật	01/01/2009	6A6	7A4	7.4	
18	Hà Thị Cẩm	Nhung	09/01/2009	6A2	7A4	9.2	
19	Trương Thị Quỳnh	Như	31/10/2009	6A11	7A4	8.9	
20	Ngô Hoàng Kim	Phụng	17/10/2009	6A7	7A4	8.7	
21	Phạm Huỳnh Mai	Phương	24/12/2009	6A5	7A4	7.7	
22	Nguyễn Thiên	Quang	24/07/2009	6A5	7A4	6.6	
23	Nguyễn Hùng	Quyên	21/02/2009	6A6	7A4	8.2	
24	Nguyễn Thành	Tài	29/11/2009	6A5	7A4	7.7	
25	Trần Minh	Tiến	03/01/2009	6A5	7A4	5.6	Chuyển đi
26	Đào Minh	Tiến	18/02/2008	6A4	7A4	5.1	
27	Võ Thị Kim	Tuyền	23/08/2009	6A5	7A4	7.9	
28	Lê Thị Mộng	Tuyền	07/01/2009	6A4	7A4	6.1	
29	Nguyễn Trường	Thành	08/12/2008	6A5	7A4	7.0	
30	Nguyễn Phước	Thiện	20/10/2009	6A5	7A4	7.3	
31	Nguyễn Trần Anh	Thư	21/10/2009	6A8	7A4	8.4	
32	Đặng Thị Huyền	Trang	15/05/2009	6A12	7A4	8.4	
33	Lê Ngọc	Trâm	18/12/2008	6A5	7A4	7.8	
34	Nguyễn Minh	Trí	25/08/2009	6A13	7A4	7.5	
35	Trần Thị Thanh	Trúc	20/12/2009	6A5	7A4	7.2	
36	Đặng Đại	Úy	04/07/2009	6A9	7A4	7.6	
37	Nguyễn Thị	Vi	15/06/2009	6A14	7A4	8.0	
38	Nguyễn Trương Hoàng	Vũ	02/07/2009	6A5	7A4	7.2	
39	Nguyễn Thị Khánh	Vy	27/02/2009	6A1	7A4	8.0	
40	Nguyễn Tấn	Đạt	05/07/2008	7A3	7A4	6.1	Lưu ban
41	Lương Kim	Phụng	11/06/2008	7A3	7A4	5.9	Lưu ban

PHÒNG GD&ĐT TX. BẾN CÁT

TRƯỜNG THCS BÌNH PHÚ

Tính đến ngày 25/8/2021

DANH SÁCH HỌC SINH 7A5

NĂM HỌC: 2021 - 2022

GVCN:

Nguyễn Thị Kiều Khanh

0983205237

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp cũ	Lớp mới	Điểm TK	Ghi chú
1	Nguyễn Văn	An	28/04/2009	6A7	7A5	6.2	
2	Phạm Châm	Anh	22/03/2009	6A2	7A5	8.2	
3	Lê Ngọc	Ánh	15/06/2009	6A7	7A5	6.9	
4	Trần Khánh	Băng	25/02/2009	6A7	7A5	7.6	
5	Phạm Võ Thành	Công	14/01/2009	6A3	7A5	8.8	
6	Trương Doãn	Cường	18/09/2009	6A6	7A5	5.4	
7	Nguyễn Tiến	Dũng	16/09/2009	6A15	7A5	8.7	
8	Phạm Nguyễn Bích	Đào	16/12/2009	6A7	7A5	5.8	
9	Đặng Thị Hương	Giang	07/11/2009	6A10	7A5	7.4	
10	Trần Minh	Hào	24/06/2009	6A7	7A5	7.6	
11	Nguyễn Hoàng Kim	Hồng	04/11/2009	6A7	7A5	5.9	
12	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	14/03/2009	6A4	7A5	8.6	
13	Nguyễn Lê Tuấn	Khang	29/12/2009	6A7	7A5	6.6	
14	Nguyễn Huỳnh Anh	Khoa	08/02/2009	6A7	7A5	7.6	
15	Trần Đăng	Khoa	20/07/2009	6A11	7A5	8.7	
16	Nguyễn Hoàng	Lam	28/10/2009	6A6	7A5	7.4	
17	Trần Duy	Linh	05/09/2009	6A6	7A5	6.0	
18	Nguyễn Thị Lưu	Luyến	04/04/2009	6A7	7A5	7.2	
19	Nguyễn Thị Kim	Ngân	08/07/2009	6A6	7A5	7.4	
20	Vũ Lê Kim	Ngọc	16/09/2009	6A6	7A5	6.1	
21	Hồ Lê Quỳnh	Nhi	17/04/2009	6A9	7A5	9.0	
22	Thái Quang	Phúc	30/09/2009	6A6	7A5	6.9	
23	Huỳnh Thị Lam	Phương	19/12/2009	6A11	7A5	7.6	
24	Vòng Nhật	Quang	28/02/2009	6A6	7A5	5.0	
25	Đỗ Nguyễn Minh	Quân	21/06/2009	6A7	7A5	8.4	
26	Lê Công	Tín	22/03/2009	6A7	7A5	8.9	
27	Nguy Thị Cát	Tường	10/05/2007	6A6	7A5	7.6	
28	Nguyễn Hoàng	Thái	17/02/2009	6A14	7A5	7.2	
29	Trần Thị Yên	Thanh	02/10/2009	6A6	7A5	7.4	
30	Trần Phúc	Thiện	24/03/2009	6A6	7A5	7.5	
31	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	02/02/2009	6A5	7A5	8.3	
32	Trần Ngọc Anh	Thư	03/06/2009	6A8	7A5	7.8	
33	Lê Trần Anh	Thư	11/11/2009	6A4	7A5	8.7	
34	Nguyễn Thanh	Trâm	19/08/2008	6A5	7A5	6.2	
35	Võ Nguyên Bảo	Trân	25/03/2009	6A12	7A5	8.3	
36	Đặng Dương Đức	Trung	27/10/2009	6A6	7A5	5.0	
37	Nguyễn Trần Hồng	Vân	25/12/2009	6A13	7A5	8.3	
38	Phạm Trường	Vũ	04/10/2008	6A6	7A5	6.7	
39	Nguyễn Tường	Vy	13/10/2009	6A5	7A5	5.0	
40	Thái Hồng	Quân	22/06/2008	7A3	7A5	5.2	Lưu ban
41	Đặng Huỳnh	Đức	17/08/2008	7A4	7A5	5.0	Lưu ban

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp cũ	Lớp mới	Điểm TK	Ghi chú
1	Đào Hoàng	Anh	26/11/2006	6A8	7A6	7.2	
2	Nguyễn Trần Trâm	Anh	11/07/2009	6A8	7A6	8.1	
3	Lường Thị Minh	Anh	14/08/2009	6A12	7A6	8.6	
4	Nguyễn Ngọc	Bích	09/03/2009	6A8	7A6	7.2	
5	Võ Hoàng Mai	Chi	26/12/2009	6A2	7A6	8.7	
6	Võ Nguyễn Hoàng	Diệu	04/07/2009	6A13	7A6	8.4	
7	Phạm Thanh Khánh	Duy	07/08/2009	6A8	7A6	5.1	
8	Bùi Quốc	Đạt	04/05/2009	6A8	7A6	6.8	
9	Nguyễn Thành	Đạt	30/04/2009	6A8	7A6	7.9	
10	Vũ Nguyễn Thành	Đạt	16/10/2009	6A15	7A6	7.2	
11	Trần Thị Hồng	Gấm	11/06/2009	6A8	7A6	5.4	
12	Phạm Nguyễn Bảo	Hân	24/11/2009	6A13	7A6	8.6	
13	Nguyễn Văn	Hiền	28/05/2009	6A6	7A6	7.8	
14	Ngô Văn	Hiệp	17/10/2009	6A10	7A6	7.4	
15	Vũ Trọng	Hiếu	11/09/2008	6A7	7A6	6.5	
16	Vương Quốc	Huy	12/06/2009	6A1	7A6	8.2	
17	Vũ Nguyễn Quỳnh	Hương	25/06/2009	6A4	7A6	7.5	
18	Lê Hoàng	Nam	06/11/2009	6A7	7A6	5.7	
19	Võ Như	Ngọc	19/07/2009	6A7	7A6	6.2	
20	Trương Minh	Nhật	16/05/2009	6A7	7A6	7.0	
21	Đặng Duy	Phong	03/03/2009	6A7	7A6	6.8	
22	Lê Thị Hà	Phương	21/12/2009	6A12	7A6	8.9	Chuyển đi
23	Trần Kim	Quỳnh	06/12/2009	6A7	7A6	6.1	
24	Phan Thị Khánh	Quỳnh	24/07/2009	6A11	7A6	8.1	
25	Nguyễn Phạm Hoàng	Tâm	28/11/2009	6A7	7A6	5.7	
26	Vi Thị Cát	Tường	23/11/2009	6A7	7A6	8.3	
27	Thạch Chân	Thành	12/06/2009	6A7	7A6	7.1	
28	Lê Phúc	Thịnh	11/07/2009	6A7	7A6	7.6	
29	Trần Anh	Thư	03/05/2009	6A7	7A6	8.1	
30	Nguyễn Trần Anh	Thư	13/12/2009	6A6	7A6	8.0	
31	Cao Thùy Bảo	Thy	01/08/2009	6A13	7A6	8.9	
32	Lê Văn	Trung	05/10/2009	6A7	7A6	6.5	
33	Đào Thị Tường	Vy	21/02/2009	6A7	7A6	7.6	
34	Nguyễn Võ Phương	Vy	20/11/2009	6A7	7A6	5.5	Chuyển đi
35	Nguyễn Trần Hồng	Vy	25/12/2009	6A13	7A6	7.5	
36	Huỳnh Chí	Vỹ	02/07/2009	6A12	7A6	8.4	
37	Trần Thị Hải	Yến	03/01/2009	6A7	7A6	7.1	
38	Nguyễn Thị	Yến	13/01/2009	6A7	7A6	6.4	
39	Trần Thị Kim	Yến	04/12/2008	6A8	7A6	8.1	
40	Phạm Gia	Huy	14/07/2007	7A4	7A6	4.2	Lưu ban
41	Đậu Thị Thùy	Dương	20/09/2008	7A5	7A6	4.3	Lưu ban

PHÒNG GD&ĐT TX. BẾN CÁT

TRƯỜNG THCS BÌNH PHÚ

Tính đến ngày 25/8/2021

DANH SÁCH HỌC SINH 7A7

NĂM HỌC: 2021 - 2022

GVCN:

Nguyễn Anh Thoa

0915583241

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp cũ	Lớp mới	Điểm TK	Ghi chú
1	Đào Vũ Hải	Anh	11/08/2009	6A9	7A7	7.6	
2	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	10/06/2009	6A15	7A7	8.9	
3	Đặng Thiên	Ân	29/03/2009	6A9	7A7	6.5	
4	Bùi Văn Thanh	Bình	02/03/2009	6A9	7A7	8.8	
5	Nguyễn Thành	Danh	26/09/2009	6A9	7A7	5.8	
6	Lê Thành	Danh	25/01/2009	6A8	7A7	6.9	
7	Phan Tuấn	Duy	18/11/2009	6A9	7A7	7.9	
8	Mai Thành	Đạt	01/11/2009	6A13	7A7	8.7	
9	Nguyễn Khánh	Hà	13/06/2009	6A15	7A7	8.3	
10	Lã Thị Thanh	Hằng	06/10/2009	6A9	7A7	5.6	
11	Lê Thị Ngọc	Hân	11/09/2009	6A3	7A7	8.9	
12	Trần Thị	Hiền	02/10/2009	6A8	7A7	6.8	
13	Nguyễn Trung	Hiếu	13/11/2009	6A2	7A7	8.7	
14	Phan Sỹ	Hoàng	19/05/2009	6A6	7A7	8.1	
15	Trương Khải	Hung	14/09/2009	6A9	7A7	6.3	
16	Nguyễn Hồ Quỳnh	Hương	23/07/2009	6A10	7A7	8.8	
17	Nguyễn Duy	Kiệt	18/06/2008	6A8	7A7	5.6	
18	Nguyễn Tuấn	Kiệt	11/05/2009	6A8	7A7	5.1	
19	Võ Tuấn	Kiệt	29/01/2009	6A9	7A7	5.4	
20	Lê Văn Tuấn	Kiệt	23/01/2009	6A4	7A7	8.4	
21	Lê Trường	Khải	07/05/2009	6A1	7A7	7.9	
22	Nguyễn Tuấn	Khang	29/03/2009	6A9	7A7	7.1	
23	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	12/01/2009	6A8	7A7	6.7	
24	Lê Yên	Loan	17/11/2009	6A9	7A7	6.6	
25	Ngô Thảo	Mi	03/05/2009	6A15	7A7	8.3	
26	Nguyễn Gia Nhật	Nam	21/02/2009	6A8	7A7	7.4	
27	Huỳnh Ngọc Kim	Ngân	24/08/2009	6A3	7A7	7.8	
28	Nguyễn Khánh	Nguyên	28/07/2009	6A8	7A7	6.4	
29	Nguyễn Quốc	Phong	24/02/2009	6A8	7A7	6.2	
30	Trần Minh	Tiến	23/09/2009	6A6	7A7	8.5	
31	Lê Trọng	Tín	22/07/2009	6A8	7A7	5.4	
32	Lê Phan Anh	Tú	24/12/2009	6A8	7A7	7.5	
33	Trần Minh	Tướng	23/07/2009	6A8	7A7	6.7	
34	Nguyễn Văn Uy	Thái	05/05/2009	6A1	7A7	8.6	
35	Huỳnh Thanh	Thảo	24/12/2009	6A8	7A7	6.3	
36	Đỗ Hoàng Phúc	Thuận	05/05/2009	6A11	7A7	8.3	
37	Huỳnh Ngọc	Trần	28/07/2008	6A8	7A7	6.3	
38	Lê	Vy	10/01/2009	6A8	7A7	7.8	
39	Dương Thị Tuyết	Xuân	09/02/2009	6A13	7A7	8.2	
40	Bùi Nhật	Huy	19/06/2007	7A6	7A7	4.9	Lưu ban
41	Lê	Khang	03/12/2008	7A8	7A3		Lưu ban

PHÒNG GD&ĐT TX. BẾN CÁT

TRƯỜNG THCS BÌNH PHÚ

Tính đến ngày 25/8/2021

DANH SÁCH HỌC SINH 7A8

NĂM HỌC: 2021 - 2022

GVCN:

Nguyễn Kiều Oanh

0972950935

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp cũ	Lớp mới	Điểm TK	Ghi chú
1	Hà Đăng	Bình	02/12/2009	6A10	7A8	7.1	
2	Nguyễn Thành	Danh	07/12/2009	6A10	7A8	6.4	
3	Đỗ Tuấn	Đạt	16/05/2009	6A10	7A8	7.1	
4	Bùi Tiến	Đạt	23/03/2009	6A9	7A8	8.2	
5	Trương Ngọc	Hạnh	17/09/2008	6A3	7A8	8.8	
6	Trần Võ Anh	Hào	19/06/2009	6A8	7A8	8.1	
7	Nguyễn Chí	Hào	05/08/2009	6A5	7A8	8.3	Chuyển đi
8	Hoàng Thị Mỹ	Hoa	28/11/2009	6A14	7A8	6.8	
9	Phạm Thành	Huy	11/01/2009	6A10	7A8	7.4	
10	Lê Xuân Nhật	Huy	11/12/2009	6A2	7A8	8.2	
11	Nguyễn Võ Quốc	Huy	19/11/2009	6A6	7A8	8.2	
12	Lê Thị Kim	Kiều	25/02/2009	6A10	7A8	6.4	
13	Nguyễn Bảo	Kha	18/10/2009	6A4	7A8	9.0	
14	Võ Nguyên	Khang	02/01/2009	6A15	7A8	7.9	
15	Nguyễn Đình Bảo	Khanh	08/06/2009	6A1	7A8	8.6	
16	Danh Hoàng Phi	Long	01/11/2009	6A10	7A8	5.0	
17	Nguyễn Phúc	Lộc	30/01/2009	6A4	7A8	8.1	
18	Trần Thị	Mai	02/10/2009	6A12	7A8	6.1	
19	Nguyễn Hiền	Mai	10/05/2008	6A10	7A8	6.2	
20	Lưu Thảo	My	10/01/2009	6A10	7A8	7.0	
21	Lữ Trần Khánh	My	24/10/2009	6A9	7A8	5.4	
22	Nguyễn Hoàng	Nam	05/11/2009	6A10	7A8	5.6	
23	Nguyễn Hoài	Nam	17/07/2009	6A9	7A8	6.1	
24	Trần Thanh	Ngân	05/07/2009	6A9	7A8	6.3	
25	Phan Vũ Ngọc Kim	Ngân	12/07/2009	6A8	7A8	8.9	
26	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	09/09/2009	6A10	7A8	8.2	
27	Phạm Quỳnh	Như	08/12/2009	6A9	7A8	7.5	
28	Nguyễn Thanh	Phong	30/10/2009	6A9	7A8	5.5	
29	Trương Ngọc	Phúc	17/09/2008	6A3	7A8	8.6	
30	Nguyễn Minh	Quân	28/11/2009	6A9	7A8	5.8	
31	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	23/12/2009	6A9	7A8	6.1	
32	Võ Minh	Tâm	22/06/2009	6A9	7A8	9.1	
33	Nguyễn Duy	Tân	17/05/2009	6A11	7A8	7.1	
34	Lữ Hữu	Tĩnh	04/05/2009	6A9	7A8	6.9	
35	Nguyễn Hoàng	Tú	22/02/2009	6A9	7A8	7.1	
36	Lê Hoài	Thương	24/04/2009	6A11	7A8	6.7	
37	Lê Thị Bích	Trâm	31/08/2009	6A6	7A8	7.8	
38	Lê Yến	Vy	31/03/2009	6A9	7A8	7.2	
39	Võ Huỳnh Mỹ	Yến	09/05/2009	6A9	7A8	6.7	
40	Trần Nguyễn Yến	Nhi	24/07/2008	7A6	7A8	4.8	Lưu ban

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp cũ	Lớp mới	Điểm TK	Ghi chú
1	Đoàn Trần Thiệu	Bác	12/04/2009	6A11	7A9	7.1	
2	Vũ Văn	Cường	06/09/2009	6A10	7A9	6.4	
3	Nguyễn Thành	Danh	17/08/2009	6A11	7A9	7.7	
4	Nguyễn Thị Trà	Giang	20/08/2009	6A11	7A9	6.9	
5	Lê Ngọc	Hân	09/08/2009	6A11	7A9	6.3	
6	Nguyễn Huy Ngọc	Hân	19/04/2009	6A12	7A9	8.1	
7	Phan Trung	Hiếu	04/02/2008	6A13	7A9	7.9	
8	Nguyễn Cảnh	Hùng	04/04/2009	6A9	7A9	8.2	
9	Trần Gia	Huy	04/11/2008	6A11	7A9	6.0	
10	Phạm Công Quốc	Huy	03/01/2009	6A8	7A9	8.6	
11	Đặng Diễm Như	Huỳnh	27/05/2009	6A6	7A9	7.5	
12	Nguyễn Gia	Hưng	16/03/2008	6A11	7A9	6.4	
13	Hồ Anh	Kiệt	28/09/2009	6A1	7A9	7.6	
14	Ngô Minh	Kha	09/08/2009	6A14	7A9	7.2	
15	Lê Minh	Long	14/07/2009	6A11	7A9	7.2	
16	Hoàng Gia	Lực	26/03/2009	6A2	7A9	7.9	
17	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/09/2009	6A11	7A9	6.1	
18	Nguyễn Thị Trà	My	01/12/2009	6A15	7A9	7.1	
19	Nguyễn Văn	Nam	20/04/2009	6A11	7A9	5.6	
20	Phạm Trường	Ngur	13/02/2009	6A11	7A9	5.3	
21	Lê Thị Yến	Nhi	08/04/2009	6A10	7A9	8.1	
22	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	11/08/2009	6A11	7A9	9.0	
23	Hoàng Thiện	Phú	08/11/2009	6A10	7A9	7.7	
24	Nguyễn Ngọc	Phú	07/09/2009	6A11	7A9	6.5	
25	Trương Hoàng	Quân	02/06/2009	6A10	7A9	6.9	
26	Lê Nhựt	Quốc	18/02/2009	6A11	7A9	6.0	
27	Nguyễn Thị Phương	Quyên	05/07/2009	6A3	7A9	7.8	
28	Nguyễn Trần Bảo	Quyên	29/06/2009	6A4	7A9	7.7	
29	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	19/10/2009	6A10	7A9	5.9	
30	Nguyễn Hùng Tú	Tú	26/03/2009	6A10	7A9	6.3	
31	Đặng Thị Ngọc	Thuận	25/10/2008	6A10	7A9	7.0	
32	Nguyễn Thanh	Trà	17/12/2009	6A10	7A9	6.9	
33	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	01/03/2009	6A11	7A9	8.3	
34	Lữ Ngọc	Vy	30/01/2009	6A10	7A9	6.6	
35	Thượng Như Thảo	Vy	13/05/2009	6A10	7A9	6.6	
36	Nguyễn Tường	Vy	26/04/2009	6A6	7A9	7.3	
37	Nguyễn Ngọc Như	Ý	22/04/2009	6A10	7A9	6.6	
38	Nguyễn Chí	Nguyễn	03/01/2009	online	7A9		Chuyển đến
39	Trần Hoài	Thư	28/07/2008	7A6	7A9	5.9	Lưu ban
40	Hoàng Ánh	Dương	17/10/2008	7A7	7A9	4.6	Lưu ban

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp cũ	Lớp mới	Điểm TK	Ghi chú
1	Lê Nhật Hoàng	Anh	09/10/2009	6A10	7A10	6.7	
2	Cao Minh Gia	Bảo	11/06/2009	6A12	7A10	6.5	
3	Võ Khánh	Bình	11/05/2009	6A12	7A10	6.7	
4	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	22/10/2009	6A14	7A10	8.8	
5	Nguyễn Thị Hoàn	Châu	22/08/2009	6A15	7A10	8.7	
6	Nguyễn Thế	Danh	19/11/2009	6A12	7A10	5.3	
7	Đặng Thành	Danh	29/12/2009	6A7	7A10	7.8	
8	Phạm Thị Cẩm	Duyên	27/02/2009	6A12	7A10	7.4	Chuyển đi
9	Lê Đỗ Thành	Đạt	18/09/2009	6A12	7A10	6.5	
10	Trương Ngọc	Giàu	23/06/2009	6A12	7A10	7.3	
11	Ngô Chí	Hào	06/09/2009	6A12	7A10	6.4	
12	Nguyễn Tiến	Hiệp	28/07/2007	6A12	7A10	5.3	
13	Bùi Nguyễn Minh	Hiếu	27/01/2009	6A13	7A10	8.8	
14	Nguyễn Tấn	Hoàng	28/07/2007	6A5	7A10	5.4	
15	Trần Thanh	Huy	04/08/2009	6A12	7A10	7.5	
16	Phạm Quốc	Huy	07/02/2009	6A9	7A10	8.0	
17	Bùi Quốc	Huy	09/09/2009	6A12	7A10	7.9	
18	Dương Nguyễn Gia	Huy	06/01/2009	6A13	7A10	7.7	
19	Nguyễn Hoàng Phúc	Khang	04/08/2009	6A6	7A10	8.5	
20	Nguyễn Quốc	Khang	24/04/2009	6A8	7A10	7.8	
21	Tổng Hoàng Mai	Lin	06/11/2009	6A9	7A10	6.2	
22	Nguyễn Hoàng Phi	Long	02/07/2008	6A12	7A10	7.6	
23	Trịnh Hoàng Thiên	Long	18/10/2009	6A12	7A10	7.8	
24	Vũ Duy	Long	20/11/2009	6A1	7A10	7.9	
25	Ngô Lê	My	30/05/2009	6A11	7A10	6.3	
26	Nguyễn Thị Trà	My	04/05/2009	6A14	7A10	8.5	
27	Lê Gia	Nghi	23/01/2009	6A11	7A10	7.4	
28	Trần Trọng	Nghĩa	24/07/2009	6A15	7A10	8.6	
29	Trần Thanh	Nguyên	03/09/2008	6A12	7A10	6.9	
30	Quách Trọng	Nhân	07/02/2009	6A2	7A10	7.8	
31	Nguyễn Thị Yến	Như	23/02/2008	6A11	7A10	5.5	
32	Nguyễn Thị Thùy	Oanh	01/06/2009	6A12	7A10	7.7	
33	Trần Thị	Quỳnh	11/02/2009	6A12	7A10	7.9	
34	Nguyễn Thanh	Tú	19/06/2009	6A11	7A10	6.5	
35	Nguyễn Hoàng	Thái	01/01/2009	6A4	7A10	7.8	
36	Nguyễn Thái Hà	Thanh	18/08/2009	6A3	7A10	7.9	
37	Nguyễn Đặng Phương	Thảo	12/05/2009	6A10	7A10	7.8	
38	Trương Thị Ái	Vy	22/06/2008	6A11	7A10	5.8	
39	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	20/10/2009	6A4	7A10	6.6	
	Nguyễn Hoàng	Phương	16/09/2009	6A12	7A9	8.5	
39	Nguyễn Hoàng	Thiên	26/10/2008	7A7	7A10	4.6	Lưu ban
40	Vũ Thị Thùy	Trang	06/11/2007	7A9	7A10	6.2	Lưu ban

PHÒNG GD&ĐT TX. BẾN CÁT

DANH SÁCH HỌC SINH 7A11**TRƯỜNG THCS BÌNH PHÚ****NĂM HỌC: 2021 - 2022****Tính đến ngày 25/8/2021****GVCN:****Nguyễn Thị Ngọc Bích****0973721327**

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp cũ	Lớp mới	Điểm TK	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hạnh	An	11/04/2009	6A13	7A11	5.1	
2	Nguyễn Hoàng Vệ	Anh	06/06/2009	6A14	7A11	6.9	
3	Nguyễn Huỳnh	Anh	17/10/2009	6A13	7A11	5.6	
4	Đào Xuân Gia	Bảo	24/07/2009	6A13	7A11	6.4	
5	Nguyễn Tất	Cường	23/04/2009	6A5	7A11	8.4	
6	Lương Tư	Dung	13/04/2009	6A14	7A11	7.3	
7	Trịnh Văn	Duy	22/05/2009	6A14	7A11	5.9	
8	Lê Thị Tường	Duy	21/02/2009	6A2	7A11	9.0	
9	Trần Sỹ	Dương	03/09/2009	6A14	7A11	7.9	
10	Nguyễn Thành	Đạt	26/06/2009	6A14	7A11	5.0	
11	Lê Ngọc	Hà	26/06/2008	6A13	7A11	7.5	
12	Trịnh Gia	Hân	27/04/2009	6A14	7A11	6.0	
13	Phạm Khánh	Hiền	13/11/2009	6A7	7A11	8.8	
14	Trần Duy	Khang	16/07/2009	6A13	7A11	8.3	
15	Hồ Đăng	Khoa	20/09/2009	6A6	7A11	7.6	
16	Nguyễn Trí Anh	Khoa	09/01/2009	6A9	7A11	8.1	
17	Phạm Sĩ	Lâm	09/03/2009	6A8	7A11	8.4	
18	Nguyễn Trần Thanh	Mạnh	21/03/2009	6A13	7A11	5.2	
19	Đặng Vũ Bình	Minh	08/02/2009	6A1	7A11	8.6	
20	Phạm Võ Kiều	My	13/10/2009	6A3	7A11	8.8	
21	Trần Nguyễn Bảo	Nam	20/01/2009	6A12	7A11	8.5	
22	Lê Thị Kim	Nhàn	01/01/2009	6A12	7A11	6.8	
23	Châu Thiện	Nhân	01/09/2009	6A13	7A11	5.4	
24	Nguyễn Đức	Nhân	12/02/2009	6A14	7A11	7.8	
25	Nguyễn Thị Linh	Nhi	03/08/2008	6A13	7A11	7.5	
26	Phạm Ngọc Yến	Nhi	01/02/2009	6A15	7A11	8.6	
27	Võ Thị Hà	Phương	12/12/2009	6A15	7A11	7.8	
28	Vũ Mạnh	Quang	13/09/2009	6A13	7A11	6.0	
29	Hoàng Văn	Quang	30/12/2008	6A2	7A11	8.4	
30	Phạm Minh	Tiến	01/02/2009	6A3	7A11	8.5	
31	Nguyễn Trọng	Tín	31/05/2009	6A13	7A11	6.4	
32	Thái Thị Cẩm	Tú	30/01/2009	6A12	7A11	7.9	
33	Nguyễn Thị	Thảo	17/02/2009	6A12	7A11	6.6	
34	Nguyễn Minh	Thùy	10/05/2009	6A13	7A11	6.5	
35	Phạm Tăng Trân	Trân	15/05/2009	6A10	7A11	7.5	
36	Nguyễn Thị Thanh	Vân	17/01/2009	6A12	7A11	7.9	
37	Lê Văn Hoàng	Vũ	05/05/2009	6A13	7A11	6.0	
38	Nguyễn Phạm Phi	Yến	08/07/2009	6A12	7A11	6.3	
39	Nguyễn Thành	Đạt	02/12/2007	7A10	7A11	5.2	Lưu ban
40	Phạm Văn	Dũng	16/05/2008	7A11	7A11	5.2	Lưu ban

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp cũ	Lớp mới	Điểm TK	Ghi chú
1	Lê Văn Tuấn	Anh	09/01/2009	6A11	7A12	7.0	
2	Đình Thiện	Bảo	05/07/2009	6A14	7A12	6.5	
3	Vũ Hoàng	Dương	01/12/2009	6A15	7A12	7.2	
4	Lương Ngọc	Hà	31/07/2009	6A14	7A12	7.1	
5	Lý Văn	Hậu	16/11/2008	6A15	7A12	6.7	
6	Nguyễn Thu	Hiền	04/08/2009	6A5	7A12	7.1	
7	Đoàn Minh	Hiếu	22/09/2009	6A15	7A12	5.4	
8	Nguyễn Chấn	Hung	16/05/2009	6A7	7A12	7.9	
9	Nguyễn Bảo	Kỳ	28/08/2009	6A14	7A12	7.7	
10	Trần Thư	Kỳ	02/10/2009	6A15	7A12	7.7	
11	Trần Tuấn	Khang	29/10/2009	6A14	7A12	6.5	
12	Vũ Đăng	Khôi	07/07/2009	6A14	7A12	5.8	
13	Nguyễn Quốc Đăng	Khôi	09/05/2009	6A13	7A12	7.6	
14	Trương Triệu	Khuong	16/01/2009	6A15	7A12	7.4	
15	Nguyễn Thùy	Lâm	07/04/2009	6A6	7A12	7.9	
16	Nguyễn Thị Mai	Linh	23/02/2009	6A15	7A12	6.4	
17	Võ Cao Hoàng	Long	03/11/2009	6A15	7A12	6.3	
18	Phạm Thành	Long	07/09/2009	6A14	7A12	6.1	
19	Lê Hoàng Khánh	Ly	26/09/2009	6A9	7A12	7.5	
20	Nguyễn Việt	Mạnh	08/02/2009	6A14	7A12	6.6	
21	Phan Hoàng Trà	My	26/01/2009	6A1	7A12	8.7	
22	Phan Phạm Hà	My	27/05/2009	6A4	7A12	9.1	
23	Vương Thị Ánh	Nga	20/07/2009	6A14	7A12	7.0	
24	Nguyễn Đăng Bảo	Ngân	01/01/2009	6A5	7A12	9.0	
25	Trần Đông	Nghi	17/06/2009	6A12	7A12	8.1	
26	Hoàng Thị Tuyết	Nhi	31/10/2009	6A8	7A12	7.6	
27	Nguyễn Yến	Nhi	13/07/2009	6A14	7A12	8.3	
28	Phạm Gia	Như	09/12/2008	6A14	7A12	5.6	
29	Lê Tân	Phát	07/11/2009	6A14	7A12	6.4	
30	Nguyễn Đỗ	Phúc	14/01/2009	6A14	7A12	6.2	
31	Võ Bé	Phương	16/06/2009	6A14	7A12	6.7	
32	Nguyễn Hoàng	Son	19/09/2009	6A2	7A12	7.7	
33	Lê Đình	Thắng	21/02/2009	6A15	7A12	8.5	
34	Phạm Đình Phú	Thịnh	01/12/2009	6A8	7A12	8.1	
35	Trần Lâm Bảo	Trí	21/03/2009	6A14	7A12	6.7	
36	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	22/03/2009	6A3	7A12	7.9	
37	Nguyễn Thảo	Vy	11/10/2009	6A14	7A12	7.6	
38	Đỗ Thị Bảo	Yến	07/06/2009	6A14	7A12	7.5	
39	Lê Bá	Đức	11/12/2008	7A10	7A12	6.1	Lưu ban

PHÒNG GD&ĐT TX. BẾN CÁT

DANH SÁCH HỌC SINH 7A13**TRƯỜNG THCS BÌNH PHÚ****NĂM HỌC: 2021 - 2022****Tính đến ngày 25/8/2021****GVCN:****Nguyễn Minh Thông****0375964041**

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp cũ	Lớp mới	Điểm TK	Ghi chú
1	Lâm Thành	An	16/01/2009	6A4	7A13	8.4	
2	Nguyễn Châu Gia	Bảo	16/07/2009	6A15	7A13	5.8	
3	Ngô Thanh	Bình	06/06/2009	6A11	7A13	8.7	
4	Lê Quốc	Đại	28/03/2009	6A15	7A13	5.2	
5	Nguyễn Hoàng Đình	Hiếu	06/10/2009	6A15	7A13	7.2	
6	Ngô Gia	Kiệt	13/04/2009	6A7	7A13	8.3	
7	Trần Phạm Thuyền	Kim	06/10/2009	6A13	7A13	8.3	
8	Trịnh Công	Khánh	16/03/2009	6A5	7A13	7.8	
9	Nguyễn Kha	Linh	24/07/2009	6A12	7A13	8.7	
10	Lê Vũ	Luân	23/01/2009	6A6	7A13	8.1	
11	Phan Văn	Minh	18/06/2008	6A15	7A13	6.1	
12	Dương Thị Mỹ	Ngân	27/05/2009	6A15	7A13	5.8	
13	Đỗ Đăng Minh	Ngọc	03/06/2009	6A1	7A13	8.4	
14	Vũ Đình	Nguyên	15/05/2009	6A9	7A13	7.6	
15	Nguyễn Thành	Nhân	28/10/2009	6A15	7A13	7.2	
16	Nguyễn Thảo	Nhi	23/05/2009	6A12	7A13	7.8	
17	Nguyễn Tấn Thiện	Phát	29/08/2009	6A15	7A13	6.6	
18	Nguyễn Gia	Phúc	25/07/2009	6A15	7A13	6.2	
19	Hoàng Ngọc Thiên	Phước	02/02/2009	6A8	7A13	8.8	
20	Huỳnh Quý	Phương	04/12/2009	6A10	7A13	8.9	
21	Vũ Anh	Quốc	03/08/2009	6A14	7A13	5.4	
22	Lê Thị	Quý	02/08/2009	6A15	7A13	6.2	
23	Bùi Tuấn	Sang	10/04/2009	6A14	7A13	8.0	
24	Hồ Quốc	Tuấn	16/08/2009	6A15	7A13	6.6	
25	Nguyễn Minh	Thái	30/03/2009	6A15	7A13	6.9	
26	Trần Duy Quốc	Thái	18/02/2009	6A2	7A13	7.8	
27	Phạm Anh	Thảo	10/05/2009	6A14	7A13	6.5	
28	Nguyễn Thanh	Thảo	15/10/2009	6A11	7A13	8.6	
29	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	24/03/2009	6A15	7A13	7.4	
30	Dương Huỳnh Bảo	Thy	22/07/2009	6A14	7A13	5.8	
31	Lữ Thị Ngọc	Trang	03/02/2009	6A15	7A13	7.5	
32	Trần Đặng Bảo	Trâm	27/08/2008	6A15	7A13	6.2	
33	Phạm Lê Hải	Triều	05/04/2009	6A15	7A13	7.8	
34	Nguyễn Thế	Viện	28/03/2009	6A15	7A13	7.0	
35	Nguyễn Thị Hồng	Vy	06/10/2009	6A15	7A13	6.8	
36	Nguyễn Thị Thúy	Vy	22/05/2009	6A15	7A13	7.1	
37	Nguyễn Thị Yên	Vy	09/04/2009	6A14	7A13	6.5	
38	Nguyễn Hoàng Như	Ý	19/10/2009	6A15	7A13	8.2	
39	Châu Ngọc Như	Yến	08/11/2009	6A15	7A13	7.7	
40	Trần Đặng Quốc	Bảo	29/10/2005	7A11	7A13	5.6	Lưu ban

PHÒNG GD&ĐT TX. BẾN CÁT

DANH SÁCH HỌC SINH 7A14**TRƯỜNG THCS BÌNH PHÚ****NĂM HỌC: 2021 - 2022****Tính đến ngày 25/8/2021****GVCN:****Nguyễn Linh Linh****0567365430**

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp cũ	Lớp mới	Điểm TK	Ghi chú
1	Trần Phạm Minh	Anh	26/12/2009	6A3	7A14	9.6	
2	Huỳnh Minh	Ánh	27/04/2009	6A6	7A14	9.0	
3	Vy Văn	Cảnh	07/07/2009	6A4	7A14	9.4	
4	Nguyễn Đại	Dương	14/04/2009	6A13	7A14	9.2	
5	Nguyễn Thị Anh	Đào	11/09/2009	6A5	7A14	9.2	
6	Trương Dương Mỹ	Hạnh	13/10/2009	6A3	7A14	9.6	
7	Nguyễn Hữu Gia	Hào	30/10/2009	6A6	7A14	9.1	
8	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	20/09/2009	6A10	7A14	9.5	
9	Nguyễn Hoàng	Hiệp	14/05/2009	6A11	7A14	9.2	
10	Huỳnh Minh	Hiếu	08/06/2009	6A14	7A14	9.3	
11	Trần Tuấn	Huy	19/12/2009	6A13	7A14	9.2	
12	Võ Gia	Huy	08/10/2009	6A15	7A14	9.0	
13	Nghiêm Đình Duy	Hưng	13/10/2009	6A8	7A14	9.1	
14	Nguyễn Thị Mai	Hương	22/09/2009	6A11	7A14	9.4	
15	Trần Đăng	Khoa	25/07/2009	6A10	7A14	9.1	
16	Nguyễn Trúc	Linh	27/02/2009	6A3	7A14	9.4	
17	Vũ Ánh	Linh	29/01/2009	6A8	7A14	9.5	
18	Đinh Ngọc Cẩm	Ly	20/07/2009	6A8	7A14	9.4	
19	Phạm Nguyệt	Minh	11/10/2009	6A4	7A14	9.6	
20	Võ Hà Kim	Ngân	05/07/2009	6A10	7A14	9.1	
21	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	12/06/2009	6A7	7A14	9.3	
22	Nguyễn Trung	Nghĩa	02/07/2009	6A14	7A14	9.0	
23	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	10/07/2009	6A4	7A14	9.5	
24	Ngô Lê Yên	Nhi	11/09/2009	6A2	7A14	9.4	
25	Lâm Tâm	Như	27/06/2009	6A5	7A14	9.2	
26	Nguyễn Hoàng	Phúc	31/01/2009	6A1	7A14	9.5	
27	Nguyễn Vĩnh	Phúc	12/01/2009	6A14	7A14	9.1	
28	Lê Nguyễn Ngọc	Thảo	26/09/2009	6A9	7A14	9.4	
29	Lê Huỳnh Minh	Thiện	10/10/2009	6A2	7A14	9.6	
30	Lê Huỳnh Minh	Thuận	10/10/2009	6A2	7A14	9.5	
31	Trần Thị Minh	Thư	01/09/2009	6A10	7A14	9.3	
32	Huỳnh Thu	Trâm	18/11/2009	6A4	7A14	9.4	
33	Phạm Thị Ngọc	Trâm	05/01/2008	6A7	7A14	9.2	
34	Cao Thị Thùy	Trình	25/06/2009	6A5	7A14	9.3	
35	Mai Phương	Vy	09/09/2009	6A11	7A14	9.2	
36	Nguyễn Bảo	Vy	22/03/2009	6A12	7A14	9.6	
37	Nguyễn Thảo	Vy	24/09/2009	6A13	7A14	9.1	
38	Nguyễn Thị Hải	Yên	26/11/2009	6A9	7A14	9.3	

PHÒNG GD&ĐT TX. BẾN CÁT

TRƯỜNG THCS BÌNH PHÚ

Tính đến ngày 25/8/2021

DANH SÁCH HỌC SINH 7A15

NĂM HỌC: 2021 - 2022

GVCN:

Nguyễn Thị Thu Hằng

0358935896

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp cũ	Lớp mới	Điểm TK	Ghi chú
1	Cao Đăng Hoàng Ngọc	Anh	05/02/2009	6A16	7A15	9.2	
2	Nguyễn Hoàng Minh	Anh	13/11/2009	6A16	7A15	8.6	
3	Nguyễn Thái	Anh	20/06/2009	6A16	7A15	9.0	
4	Phạm Thị Tuyết	Anh	02/08/2009	6A16	7A15	9.1	
5	Nguyễn Minh	Ánh	17/04/2009	6A16	7A15	8.4	
6	Lâm Gia	Bảo	01/10/2009	6A16	7A15	8.9	
7	Nguyễn Vũ Gia	Bảo	19/08/2009	6A16	7A15	8.9	
8	Nguyễn Thành	Danh	21/04/2009	6A16	7A15	9.2	
9	Mai Thị Cẩm	Duyên	29/09/2009	6A16	7A15	8.3	
10	Phạm Thành	Đạt	06/09/2009	6A16	7A15	8.9	
11	Phạm Lê Thu	Hà	08/07/2009	6A16	7A15	9.2	
12	Phạm Minh	Hằng	06/07/2009	6A16	7A15	9.2	
13	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	12/05/2009	6A16	7A15	7.4	
14	Trịnh Nguyễn Huy	Khánh	21/03/2009	6A16	7A15	8.4	
15	Nguyễn Hoàng Yến	Linh	15/04/2009	6A16	7A15	9.2	
16	Nguyễn Hoàng Thiên	Long	13/04/2009	6A16	7A15	8.2	
17	Nguyễn Phúc Uy	Ngân	25/02/2009	6A16	7A15	8.9	
18	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	14/06/2009	6A16	7A15	8.9	
19	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	06/08/2009	6A16	7A15	9.3	
20	Võ Huỳnh Bảo	Ngọc	19/03/2009	6A16	7A15	9.0	
21	Bùi Mẫn	Nhi	28/04/2009	6A16	7A15	8.8	
22	Lê Hoàng	Phúc	31/08/2009	6A16	7A15	7.5	
23	Nguyễn Hoàng	Thanh	20/03/2009	6A16	7A15	9.1	
24	Huỳnh Phương	Thảo	07/12/2009	6A16	7A15	8.9	
25	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/04/2009	6A16	7A15	9.0	
26	Nguyễn Ngọc	Tiên	03/01/2009	6A16	7A15	8.9	
27	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	14/08/2009	6A16	7A15	9.2	
28	Huỳnh Phạm Thảo	Trình	14/06/2009	6A16	7A15	9.6	
29	Trần Thị Hồng	Trình	21/01/2009	6A16	7A15	9.3	
30	Nguyễn Chí	Trình	27/01/2009	6A16	7A15	9.4	
31	Trần Hoàng	Vũ	11/12/2009	6A16	7A15	6.9	
32	Nguyễn Khánh	Vy	14/04/2009	6A16	7A15	9.5	
33	Nguyễn Thị Yến	Vy	24/09/2009	6A16	7A15	7.9	